TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 51/2024/HSST
Ngày: 08-8-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa; ông Phan Tấn Lãm**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Ông Đặng Hữu Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐ–XX ngày 24 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Họ và tên: **Trịnh Anh A**; tên gọi khác: không; sinh năm 1981; tại: Bình Phước; nơi cư trú: Thôn BĐ 2, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quốc B, sinh năm 1954 và bà Lê Thị C, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là bà Mai Thị D (*đã ly hôn*) và có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; ngày 11 tháng 12 năm 2023, thực hiện hành vi "*Trộm cắp tài sản*", đến ngày 03 tháng 4 năm 2024, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1997; tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn 19/5, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E, sinh năm: 1960 và bà Đỗ Thị Lệ F, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là bà Trần Thị G, sinh năm 1990 và có 02 người con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. ngày 11 tháng 12 năm 2023, thực hiện hành vi "*Trộm cắp tài sản*", đến ngày 03 tháng 4 năm 2024,

bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: **Ông Trần Văn H**, sinh năm 1982; cư trú: Thôn KK, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

Người làm chứng:

1. **Ông Nguyễn Thái I**, sinh năm 1985; cư trú: Thôn ST, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; cư trú: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

3. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1987; cư trú: Ấp TT, xã TB, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2023, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô từ thôn KK, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước để đi về nhà ở thôn 19/5, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì Đ phát hiện có 02 con trâu đi lạc, không có người chăn dắt. Lúc này, Đ nghi ngờ 02 con trâu này là của Trữ (*bạn của Đ*) nên Đ dừng xe và điện thoại cho Trữ, hỏi "*phải trâu nhà mày đi lạc không*" và mô tả đặc điểm trâu cho Trữ, Trữ nói "*chắc đúng rồi, mày đợi tao kêu xe anh Long lên chở trâu về*". Nghe Trữ nói vậy, Đ đứng canh 02 con trâu một lúc nhưng không thấy Trữ đến nên Đ điện thoại cho Trữ nói "*thôi muộn rồi tao đi về đây*", rồi Đ điều khiển xe đi về, khi đi được khoảng 30 mét thì có Trịnh Anh A và Nguyễn Minh L đi trên xe taxi đi về nhà của L ở ấp TT, thị trấn TB, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước chạy ngang qua nhìn thấy Đ nên A dùng điện thoại gọi cho Đ hỏi "*giờ này mày còn làm gì ở đó*" thì Đ trả lời: "*có 02 con trâu của thằng Trữ mà nó nói canh cho nó nhưng ai mà canh được*", thì A nói "*không phải trâu của thằng Trữ đâu, trâu đi lạc đó, canh làm gì, bán mẹ luôn đi, mày ở đó canh đi đợi tao một lát tao quay lại*" nên Đ đồng ý và đứng đợi A. Khoảng 40 phút sau, A quay lại chỗ Đ đứng đợi và dùng điện thoại gọi cho Nguyễn Thái I, thuê xe tải của I để chở trâu đến huyện Bù Đốp. Sau khi I thoả thuận với A số tiền chở trâu là 1.500.000 đồng, I điện thoại cho tài xế là Nguyễn Văn K, điều khiển xe ô tô tải BKS: 93H-018.86 đến địa điểm chở trâu, tại đây Đ dắt trâu lên xe rồi cùng A và I chở trâu về nhà của L để gửi và cột giữ trâu tại đây để ngày hôm sau A tìm người tiêu thụ.

Phát hiện bị mất 02 con trâu, ông Trần Văn H đã đi tìm và làm đơn trình báo Công an xã ĐH để giải quyết vụ việc. Tiếp nhận tin báo của Công an xã ĐH, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã truy xét, mời Đ và A đến trụ sở Công an làm việc và A và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp 02 con trâu. Sau đó, Cơ quan điều tra đã thu hồi 02 con trâu giao trả cho bị hại là ông Trần Văn H.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia màu đen.
- Thu giữ của Trịnh Anh A 01 điện thoại di động Nokia Màu xanh.

Căn cứ kết quả định giá tài sản số 05 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập thì 01 con trâu có trọng lượng là 230kg và 01 con trâu có trọng lượng là 220 kg, tổng 02 con trâu có giá trị là 47.250.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trưng cầu, số: 681/KLGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Pháp y khu vực TP.HCM kết luận:

1.Về y học: Trước, trong và sau khi Trịnh Anh A cùng đồng phạm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản vào ngày 11 tháng 12 năm 2023 và đến hiện tại Đối tượng bị chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ/ Động kinh (F70/G40-ICD10)

2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi Trịnh Anh A cùng đồng phạm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản vào ngày 11 tháng 12 năm 2023 và đến hiện tại Đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 con trâu, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn H, nên ngày 12 tháng 12 năm 2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trao trả cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của Nguyễn Văn Đ và 01 điện thoại di động Nokia Màu xanh thu giữ của Trịnh Anh A, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn Đ tự nguyện bồi thường cho bị hại Trần Văn H số tiền 1.000.000 đồng, ông H không yêu cầu Đ và A bồi thường thêm, do đó không đề cập đến việc xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CTr-VKSBGM ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố các bị cáo Trịnh Anh A và Nguyễn Văn Đ về tội "*trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, q khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 65 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trịnh Anh A từ 30-36 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian tử thách là 60 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 65 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 24-30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48-60 tháng

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng số 48/CTr-VKSBGM ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố các bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11 tháng 12 năm 2023, các bị cáo Trịnh Anh A; Nguyễn Văn Đ đã lén lút chiếm đoạt 01 con trâu có trọng lượng là 230kg và 01 con trâu có trọng lượng là 220 kg, tổng 02 con trâu có trị giá là 47.250.000 đồng của ông Trần Văn H ở thôn 19/5, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Do vậy, hành vi của các bị cáo A, Đ đã phạm tội "*trộm cắp tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc từ trước nhưng cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể là:

Trong quá trình bị cáo Đ phát hiện có 02 con trâu đi lạc, không có người chăn dắt và nghi ngờ 02 con trâu này là của Trữ (*bạn của bị cáo Đ*) nên bị cáo dừng xe và điện thoại cho Trữ, hỏi "*phải trâu nhà mày đi lạc không*" và mô tả đặc điểm trâu cho Trữ, Trữ nói "*chắc đúng rồi, mày đợi tao kêu xe anh Long lên chở trâu về*". Nghe Trữ nói vậy, bị cáo Đ đứng canh 02 con trâu một lúc nhưng không thấy Trữ đến nên bị cáo Đ điện thoại cho Trữ nói "*thôi muộn rồi tao đi về đây*", rồi điều khiển xe đi về, khi đi được khoảng 30 mét thì có bị cáo A và ông Nguyễn Minh L đi trên xe taxi đi về nhà của ông L ở ấp TT, thị trấn TB, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước chạy ngang qua nhìn thấy bị cáo Đ nên bị cáo A dùng điện thoại gọi cho Đ hỏi "*giờ này mày còn làm gì ở đó*" thì bị cáo Đ trả lời: "*có 02 con trâu của thằng Trữ mà nó nói canh cho nó nhưng*

ai mà canh được", thì bị cáo A nói "*không phải trâu của thằng Trữ đâu, trâu đi lạc đó, canh làm gì, bán mẹ luôn đi, mày ở đó canh đi đợi tao một lát tao quay lại*" nên bị cáo Đ đồng ý và đứng đợi bị cáo A. Khoảng 40 phút sau, bị cáo A quay lại chỗ bị cáo Đ đứng đợi và dùng điện thoại gọi cho ông Nguyễn Thái I, thuê xe tải của ông I để chở trâu đến huyện Bù Đốp. Sau khi ông I thoả thuận với A số tiền chở trâu là 1.500.000 đồng, ông I điện thoại cho tài xế là ông Nguyễn Văn K, điều khiển xe ô tô tải BKS: 93H-018.86 đến địa điểm chở trâu, tại đây bị cáo Đ dắt trâu lên xe rồi cùng bị cáo A và ông I chở trâu về nhà của ông L để giấu và cột giữ trâu tại đây để ngày hôm sau bị cáo A tìm người tiêu thụ. Trong vụ án này, chính bị cáo A là người khởi xướng và rủ bị cáo Đ rồi cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 con trâu của ông H nhằm mục đích đem bán để kiếm tiền tiêu xài. Riêng bị cáo Đ khi nghe bị cáo A rủ rê lén lút trộm trâu thì bị cáo Đ chẳng những không can ngăn mà nhiệt tình hưởng ứng.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo Đ là người có đủ năng lực hành vi dân sự; bị cáo A theo Kết luận giám định pháp y tâm thần thì trước, trong và sau khi thực hiện hành vi thì đang bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, bị động kinh. Tuy nhiên, khi các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông H thì các bị cáo phải nhận thức được đó là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân và khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại không có người trông coi thì các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 02 con trâu của ông H. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo về tội "*trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo A là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo Đ đã khắc phục hậu qủa cho ông H với số tiền là 1.000.000 đồng; là lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy, được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 con trâu, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông H, nên ngày 12 tháng 12 năm 2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trao trả cho ông H để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Đ và 01 điện thoại di động Nokia Màu xanh thu giữ của bị cáo A, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đ tự nguyện bồi thường cho ôngH số tiền 1.000.000 đồng, ông H không yêu cầu các bị cáo Đ, A bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Đối với các ông Nguyễn Thái I, Nguyễn Văn K và Nguyễn Minh L. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập xác định các bị cáo A, Đ không nói cho các ông I, K và L biết nguồn gốc của 02 con trâu là do vi phạm pháp luật mà có và các ông cũng không biết. Do đó, các ông I, K và L không đồng phạm với các bị cáo và cũng không cấu thành tội "*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" hoặc tội "*Không tố giác tội phạm*" được quy định tại các Điều 323, 390 của Bộ Luật hình sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xử lý.

[9] Đối với lời phát biểu và đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa đối với các bị cáo là cao, trong khi các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tai khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, nên Hội đồng xét chỉ chấp nhận một phần về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về hình phạt..

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo **Trịnh Anh A** (*tên gọi khác: không*); bị cáo **Nguyễn Văn Đ** (*tên gọi khác: Không*) phạm tội "***trộm cắp tài sản***".

2. Về hình phạt :

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, q khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt hình phạt chính đối với bị cáo Trịnh Anh A 15 (*mười lăm*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Tuyên giao bị cáo cho UBND xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 65 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (*mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án.

Tuyên giao bị cáo cho UBND xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

4. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ và 01 điện thoại di động Nokia Màu xanh thu giữ của bị cáo Trịnh Anh A.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008909; Quyển số 0179; Ký hiệu D47/2017 ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập*).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên buộc các bị cáo Trịnh Anh A; Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã ĐH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VĂN PHÚ VINH